TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2020.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh
Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lê Thị Ánh Sáng
+ Bà Trần Thị Hồng Phượng
- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn- Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 227/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1983
Địa chỉ: Ấp 10, xã Bình S, huyện Long T, tỉnh Đồng N.
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Diệu Q, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Ấp 10, xã Bình S, huyện Long T, tỉnh Đồng N.
(Anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2020, bản tự khai ngày 18/5/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Q chung sống với nhau vào năm 2018, đến tháng 01 năm 2019 mới đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình S, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng thường hay gây gỗ, cải vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2019 cho đến nay, không có bàn bạc đoàn tụ. Nay, anh xác định tình cảm vợ không còn, yêu cầu ly hôn chị Q.

Về con chung: Có 01 cháu. Trần Kim N, sinh ngày 16/12/2018. Hiện chị Q đang nuôi dưỡng, nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu N cho chị Q nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn chị Nguyễn Thị Diệu Q không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh C, cho anh C được ly hôn chị Q.

Về con chung: Có 01 cháu Trần Kim N, sinh ngày 16/12/2018. Đề nghị giao cháu N cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Nguyễn Thị Diệu Q nhưng chị Q không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị Diệu Q cùng cư trú tại xã Bình S, huyện Long T, tỉnh Đồng N, anh C có đơn tranh chấp ly hôn với chị Q. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long T, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Q chung sống với nhau từ năm 2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Bình S, huyện Long T, tỉnh Đồng N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/01/2019

là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, anh C và chị Q có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay gây gỗ, cải vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc cũng không quan tâm gì đến nhau. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, anh yêu cầu ly hôn chị Q.

Hội đồng xét xử xét thấy, điều kiện để anh C và chị Q đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Trần Kim N, sinh ngày 16/12/2018. Hiện chị Q đang nuôi dưỡng, anh C đồng ý giao cháu Trần Kim N, sinh ngày 16/12/2018 cho chị Q nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Trần Kim N, sinh ngày 16/12/2018, đến ngày xét xử cháu N dưới 36 tháng tuổi, người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Để đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, giao cháu Trần Kim N, sinh ngày 16/12/2018 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng: Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C đối với chị Nguyễn Thị Diệu Q về việc "Tranh chấp ly hôn"

Cho anh Trần Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị Diệu Q.

Về con chung: Giao cháu Trần Kim N, sinh ngày 16/12/2018 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh C vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh C được quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2- Về án phí: Anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0003328 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Long Thành;
- UBND xã (phường) đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh